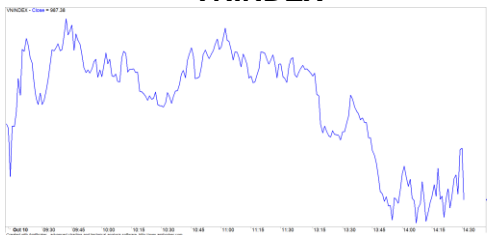


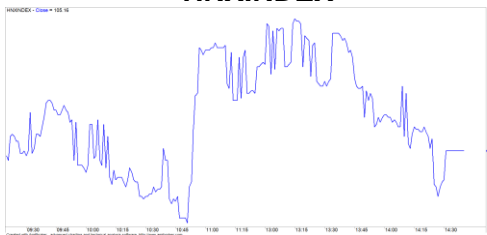
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	987.38	105.16	56.60
% ngày	-0.05%	0.52%	-0.04%
% tuần	-0.51%	-0.05%	-0.96%
% tháng	1.76%	5.19%	0.80%
% năm	-0.66%	-7.56%	5.17%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,123	379	190
TB 1 tuần	3,898	366	204
TB 1 tháng	4,050	379	242
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	360.47	1.97	44.31
Bán	441.40	25.04	38.86
Giá trị ròng	-80.93	-23.07	5.44
Độ rộng TT			
Mã Tăng	120	61	184
Mã Giảm	154	70	86
Không Đổi	112	237	629
Chỉ số chính			
P/E	16.69	9.19	18.76
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,351	189	980
LS Cổ tức	1.40%	4.33%	5.27%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index giằng co mạnh ở hai chiều cung cầu. Chỉ số chốt phiên giảm nhẹ 0.45% dừng tại 987.38 điểm khi lực bán tái diễn trong phiên chiều. Chỉ số HNX-Index ngược lại có phiên tăng thứ 3 liên tiếp với mức tăng 0.51% tạm dừng ở 105.16 điểm. Chỉ số Upcom-Index giảm nhẹ 0.02% chốt tại 56.6 điểm. Dòng tiền tiếp tục suy yếu khi giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường giảm nhẹ khi đạt gần 3,300 tỷ đồng.

Chiều tăng điểm nổi bật có nhóm Dầu khí (GAS, PVD, PVS, PVC), Du lịch (HVN, VJC), Bất động sản (VRE, TCH, NTL...). Nhóm Ngân hàng có sự phân hóa khi VCB, ACB, VPB tăng giá trong khi CTG, MBB, STB, BID giảm giá. ACB nổi bật trong nhóm khi tăng 1.3% với thanh khoản tốt. DPM(-2%), REE(-1.8%), HPG(-1.8%) là các mã có mức giảm tương đối đáng chú ý trong VN30-Index. Nhóm Chứng khoán cũng chứng lại đà rơi khi SSI, HCM, VND, SHS... giữ tham chiếu hoặc tăng nhẹ. Nhóm Mid-Cap cũng xuất hiện nhiều điểm sáng như PTB(+3.7%), PHR(3%), KDC(+2.7%), HSG(+2.5%)...

Khối ngoại nổi dài chuỗi bán ròng với giá trị 98 tỷ đồng trên toàn thị trường. VIC, VHC dẫn đầu danh sách bán ròng lần lượt 78.2 tỷ và 19 tỷ đồng. Ở chiều mua, VCB được mua ròng tích cực nhất với 24.8 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục "sideways" quanh ngưỡng 988 của chỉ số VN-Index. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá trạng thái đi ngang này có thể sẽ nhanh chóng kết thúc trong vài phiên tới, điểm tích cực chúng tôi nhận thấy áp lực bán không mạnh và nhóm ngân hàng tiếp tục vai trò là trụ đỡ chính cho thị trường cho nên chúng tôi đánh giá thị trường sẽ chưa thể giảm sâu. Đồng thời, thị trường có thể sẽ tiếp tục phân hóa.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 999.88 điểm của chỉ số VN-Index và 103.16 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ và quan sát thị trường để chờ động thái khuyến nghị rõ ràng hơn.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 46% cổ phiếu/54% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	988	1,000	976	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	102.5	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.90	GIẢM	GIẢM		15.45				17.22		
ACB	24.00	GIẢM	TĂNG		24.15				23.85		
ACV	76.20	TĂNG	GIẢM	75.80	72.72	0.53%			83.54		
ANV	25.65	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	-0.97%			27.58		
ASM	8.15	TĂNG	TĂNG	6.30	7.55	29.37%		7.61	6.46	7.10%	
BFC	15.00	GIẢM	GIẢM		15.26				16.69		
BID	41.00	TĂNG	TĂNG	32.65	39.45	25.57%		33.40	36.62	22.75%	
BMP	54.80	TĂNG	TĂNG	51.80	51.43	5.79%		48.30	45.90	13.46%	
BSR	9.70	GIẢM	GIẢM		10.00				10.51		
BVH	71.50	GIẢM	GIẢM		74.31				79.61		
BWE	25.85	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-3.00%		20.00	25.45	29.25%	
CEO	9.80	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-4.85%			11.06		
CII	24.40	TĂNG	TĂNG	21.40	23.32	14.02%		24.45	22.49	-0.20%	MUA
CMG	38.20	GIẢM	TĂNG		38.67			23.20	34.96	64.66%	
CMX	24.85	TĂNG	GIẢM	25.40	22.66	-2.17%			32.25		
CSM	14.95	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	3.89%	
CTD	89.80	GIẢM	GIẢM		95.03				104.50		
CTG	21.15	TĂNG	GIẢM	21.30	20.42	-0.70%			21.90		
CTR	51.10	TĂNG	N/A	46.50	44.44	9.89%		-	N/A		
CVT	22.85	TĂNG	TĂNG	21.25	22.29	7.53%		20.35	19.04	12.29%	
DCM	7.38	GIẢM	TĂNG		7.57			8.54	7.15	-13.58%	
DGC	26.20	TĂNG	GIẢM	27.80	26.08	-5.76%			30.50		
DGW	24.55	TĂNG	TĂNG	24.60	24.10	-0.20%		23.50	22.12	4.47%	
DHA	30.10	GIẢM	GIẢM		32.81				34.96		
DHC	34.60	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	4.85%			35.33		
DHG	91.00	GIẢM	GIẢM		93.71				99.56		
DIG	14.50	TĂNG	TĂNG	14.25	14.26	1.75%		13.90	12.65	4.32%	
DPG	44.30	GIẢM	GIẢM	47.20	44.84	-5.01%	BÁN		50.61		
DPM	14.45	TĂNG	GIẢM	13.60	13.92	6.25%			14.62		
DPR	35.45	GIẢM	GIẢM		37.04				41.63		
DQC	18.25	GIẢM	GIẢM		18.62				20.25		
DRC	23.60	GIẢM	TĂNG		24.08			21.60	21.23	9.26%	
DXG	16.25	GIẢM	TĂNG		17.14			15.50	14.48	4.84%	
EIB	16.70	GIẢM	GIẢM		17.23				18.05		
FCN	12.60	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	-0.40%			13.36		



We Create Fortune

FMC	27.35	GIẢM	TĂNG		27.65			31.60	26.18	-13.45%	
FPT	56.40	GIẢM	TĂNG		58.19			46.00	52.65	22.61%	
GAS	101.10	GIẢM	GIẢM		104.14				109.55		
GEX	22.00	GIẢM	TĂNG		22.58			20.20	20.77	8.91%	
GIL	19.95	TĂNG	GIẢM	21.00	19.51	-5.00%			23.08		
GMD	26.50	GIẢM	TĂNG		27.53			28.50	26.02	-7.02%	
GTN	19.05	GIẢM	TĂNG		19.71			15.00	17.31	27.00%	
GVR	14.00	GIẢM	N/A		14.42				N/A		
HAG	4.46	GIẢM	GIẢM		4.65				5.11		
HAX	17.70	TĂNG	GIẢM	18.35	16.81	-3.54%			21.33		
HBC	13.65	GIẢM	GIẢM		14.60				15.19		
HCM	22.65	GIẢM	TĂNG		24.27			23.40	21.08	-3.21%	
HDB	27.65	TĂNG	GIẢM	26.30	27.30	5.13%			27.71		
HDC	23.45	TĂNG	TĂNG	22.15	22.23	5.87%		15.25	18.89	53.77%	
HDG	36.35	TĂNG	TĂNG	35.50	35.03	2.39%		35.30	32.61	2.97%	
HNG	15.20	GIẢM	GIẢM		16.01				18.04		
HPG	21.50	GIẢM	GIẢM		22.13				23.96		
HSG	7.38	TĂNG	GIẢM	6.86	6.95	7.58%			7.42		
HT1	15.60	GIẢM	GIẢM		16.06				16.70		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%			2.71		
HVN	35.45	TĂNG	GIẢM	34.80	32.48	1.87%			37.00		
KBC	15.25	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-0.65%	
KDH	25.20	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.04%		24.00	23.60	5.00%	
KSB	21.60	GIẢM	TĂNG		22.46			23.90	21.11	-9.62%	
LCG	9.11	TĂNG	GIẢM	9.60	8.92	-5.10%			10.47		
LDG	11.45	TĂNG	TĂNG	8.18	10.77	39.98%		9.89	8.90	15.77%	
LHG	16.00	GIẢM	GIẢM		16.81				18.44		
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.65				8.25		
LSS	4.92	GIẢM	GIẢM	5.31	4.94	-6.98%	BÁN		5.62		
MBB	22.75	TĂNG	TĂNG	22.20	22.31	2.48%		21.85	20.62	4.12%	
MPC	24.30	GIẢM	GIẢM		26.55				31.17		
MSN	77.00	GIẢM	GIẢM		79.37				81.93		
MSR	16.80	GIẢM	GIẢM		17.62				18.90		
MWG	123.60	GIẢM	TĂNG		127.07			88.70	113.79	39.35%	
NDN	16.70	GIẢM	TĂNG		17.40			13.70	16.27	21.90%	
NKG	5.82	GIẢM	GIẢM		5.83				6.48		
NLG	28.70	TĂNG	TĂNG	28.60	27.92	0.35%		28.70	26.73	0.00%	
NT2	23.65	GIẢM	GIẢM		24.34				25.92		
NTL	22.35	GIẢM	GIẢM		23.04				26.18		

We Create Fortune

NVL	61.30	GIẢM	TĂNG	64.00	61.40	-4.07%	BÁN	63.00	56.68	-2.70%	
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.30				12.17		
PAC	27.85	GIẢM	GIẢM	28.70	28.30	-1.38%	BÁN		31.05		
PC1	19.50	GIẢM	TĂNG		20.97			21.10	18.48	-7.58%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.55			29.00	25.01	-9.66%	
PHR	62.60	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	3.64%			65.37		
PLX	56.90	GIẢM	GIẢM		59.66			62.40	59.59	-4.50%	BÁN
PNJ	79.10	GIẢM	TĂNG		82.16			104.00	78.69	-23.94%	
POW	12.90	TĂNG	GIẢM	12.90	12.45	0.00%			13.98		
PVT	17.10	GIẢM	TĂNG		17.65			18.30	16.28	-6.56%	
PPC	25.00	GIẢM	GIẢM	26.50	25.18	-4.98%	BÁN		28.66		
PTB	72.70	TĂNG	TĂNG	69.70	68.05	4.30%		64.00	64.57	13.59%	
PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		20.09			20.10	18.62	-4.48%	
PVD	16.90	GIẢM	TĂNG		17.60			18.10	15.96	-6.63%	
PVI	32.00	GIẢM	GIẢM		33.18				37.43		
PVS	18.70	GIẢM	GIẢM		19.32				21.78		
PXS	4.21	GIẢM	GIẢM		4.65				5.90		
QNS	29.60	GIẢM	TĂNG		30.09			33.80	27.80	-12.43%	
REE	37.80	GIẢM	TĂNG		39.51			33.33	35.23	13.43%	
SAB	255.30	GIẢM	GIẢM		266.23			245.00	257.56	5.13%	
SAM	7.85	TĂNG	TĂNG	7.99	7.58	-1.75%		7.40	7.47	6.08%	
SCR	6.30	GIẢM	GIẢM		6.53				7.01		
SHI	8.70	GIẢM	TĂNG		9.46			6.99	8.30	24.46%	
SJS	15.20	GIẢM	GIẢM		16.31			-	18.93		
SKG	10.70	GIẢM	GIẢM		11.11				12.13		
SSI	21.30	GIẢM	GIẢM		22.39				22.27		
STB	10.80	TĂNG	GIẢM	10.55	10.52	2.37%			11.09		
TCB	23.65	TĂNG	TĂNG	22.65	22.97	4.42%		22.65	20.86	4.42%	
TCM	22.50	TĂNG	GIẢM	23.00	22.48	-2.17%			25.52		
TDH	11.40	TĂNG	TĂNG	9.40	11.06	21.28%		10.15	9.80	12.32%	
TLH	4.41	GIẢM	GIẢM		4.60				4.99		
TNG	17.90	GIẢM	GIẢM		18.80				20.81		
VCB	84.60	TĂNG	TĂNG	80.00	81.72	5.75%		62.00	74.69	36.45%	
VCG	26.60	TĂNG	TĂNG	27.00	26.32	-1.48%		19.20	24.08	38.54%	
VCS	94.20	GIẢM	TĂNG		100.45			68.00	87.76	38.53%	
VGC	19.10	TĂNG	GIẢM	20.00	18.77	-4.50%			20.53		
VGT	9.10	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	2.25%			9.82		
VHC	78.10	GIẢM	GIẢM		81.32				87.51		
VHM	88.50	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	1.37%		90.20	80.36	-1.88%	

We Create Fortune

VIB	18.10	TĂNG	TĂNG	18.20	17.67	-0.55%		17.70	16.40	2.26%	
VIC	116.90	GIẢM	TĂNG		119.89			112.00	113.76	4.38%	
VIP	5.08	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-1.36%			5.48		
VJC	137.50	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.44%	
VND	13.95	GIẢM	GIẢM		14.44				15.06		
VNG	22.15	TĂNG	TĂNG	19.10	21.44	15.97%		20.20	19.69	9.65%	
VNM	127.00	TĂNG	TĂNG	124.00	126.17	2.42%		130.10	117.81	-2.38%	
VPB	22.20	TĂNG	TĂNG	19.10	21.74	16.23%		20.30	19.79	9.36%	
VPI	41.05	GIẢM	TĂNG		42.16			41.30	39.68	-0.61%	
VRC	15.20	GIẢM	GIẢM		15.94				16.26		
VRE	32.40	GIẢM	GIẢM		32.64				36.35		
VSC	26.80	GIẢM	GIẢM		27.64				30.94		
AAA	14.90	GIẢM	GIẢM		15.45				17.22		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.00	GIẢM	TĂNG		24.15				23.85		
BID	41.00	TĂNG	TĂNG	32.65	39.45	25.57%		33.40	36.62	22.75%	
BSR	9.70	GIẢM	GIẢM		10.00				10.51		
BVH	71.50	GIẢM	GIẢM		74.31				79.61		
CTG	21.15	TĂNG	GIẢM	21.30	20.42	-0.70%			21.90		
EIB	16.70	GIẢM	GIẢM		17.23				18.05		
FPT	56.40	GIẢM	TĂNG		58.19			41.00	52.65	37.57%	
GAS	101.10	GIẢM	GIẢM		104.14				109.55		
HDB	27.65	TĂNG	GIẢM	26.30	27.30	5.13%			27.71		
HNG	15.20	GIẢM	GIẢM		16.01				18.04		
HPG	21.50	GIẢM	GIẢM		22.13				23.96		
HVN	35.45	TĂNG	GIẢM	34.80	32.48	1.87%			37.00		
KDH	25.20	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.04%		24.00	23.60	5.00%	
MBB	22.75	TĂNG	TĂNG	22.20	22.31	2.48%		21.27	20.62	6.95%	
MSN	77.00	GIẢM	GIẢM		79.37				81.93		
MWG	123.60	GIẢM	TĂNG		127.07			88.70	113.79	39.35%	
NVL	61.30	GIẢM	TĂNG	64.00	61.40	-4.07%	BÁN	63.00	56.68	-2.70%	
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.30				12.17		
PLX	56.90	GIẢM	GIẢM		59.66			59.97	59.59	-0.63%	BÁN
PNJ	79.10	GIẢM	TĂNG		82.16			77.88	78.69	1.56%	

We Create Fortune

POW	12.90	TĂNG	GIẢM	12.90	12.45	0.00%			13.98		
PVS	18.70	GIẢM	GIẢM		19.32				21.78		
QNS	29.60	GIẢM	TĂNG		30.09			33.80	27.80	-12.43%	
REE	37.80	GIẢM	TĂNG		39.51			33.33	35.23	13.43%	
ROS	25.65	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-6.73%			29.25		
SSI	21.30	GIẢM	GIẢM		22.39				22.27		
STB	10.80	TĂNG	GIẢM	10.55	10.52	2.37%			11.09		
TCB	23.65	TĂNG	TĂNG	22.65	22.97	4.42%		22.65	20.86	4.42%	
TPB	22.40	TĂNG	GIẢM	22.70	21.66	-1.32%			N/A		
VCB	84.60	TĂNG	TĂNG	80.00	81.72	5.75%		62.00	74.69	36.45%	
VCG	26.60	TĂNG	TĂNG	27.00	26.32	-1.48%		18.44	24.08	44.24%	
VEA	55.40	TĂNG	GIẢM	55.20	53.83	0.36%			N/A		
VGI	33.40	TĂNG	GIẢM	33.60	30.56	-0.60%			N/A		
VHM	88.50	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	1.37%		90.20	80.36	-1.88%	
VIB	18.10	TĂNG	TĂNG	18.20	17.67	-0.55%		17.70	16.40	2.26%	
VIC	116.90	GIẢM	TĂNG		119.89			112.00	113.76	4.38%	
VJC	137.50	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.44%	
VNM	127.00	TĂNG	TĂNG	124.00	126.17	2.42%		130.10	117.81	-2.38%	
VPB	22.20	TĂNG	TĂNG	19.10	21.74	16.23%		20.30	19.79	9.36%	
VRE	32.40	GIẢM	GIẢM		32.64				36.35		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.90	GIẢM	GIẢM		15.45				17.22		
ANV	25.65	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	-0.97%			27.58		
ASM	8.15	TĂNG	TĂNG	6.30	7.55	29.37%		7.61	6.46	7.10%	
BMP	54.80	TĂNG	TĂNG	51.80	51.43	5.79%		48.30	45.90	13.46%	
BWE	25.85	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-3.00%		19.44	25.45	32.97%	
C4G	6.30	GIẢM	GIẢM		6.31				8.39		
CEO	9.80	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-4.85%			11.06		
CII	24.40	TĂNG	TĂNG	21.40	23.32	14.02%		24.45	22.49	-0.20%	MUA
CRE	24.95	GIẢM	GIẢM		25.26				25.96		
CTI	24.65	TĂNG	TĂNG	24.00	24.11	2.71%		25.05	24.64	-1.60%	MUA
CTR	51.10	TĂNG	#N/A	46.50	44.44	9.89%		-	#N/A		
DCM	7.38	GIẢM	TĂNG		7.57			8.54	7.15	-13.58%	
DHC	34.60	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	4.85%			35.33		

We Create Fortune

DIG	14.50	TĂNG	TĂNG	14.25	14.26	1.75%		13.90	12.65	4.32%	
DPM	14.45	TĂNG	GIẢM	13.60	13.92	6.25%			14.62		
DRC	23.60	GIẢM	TĂNG		24.08			21.60	21.23	9.26%	
DXG	16.25	GIẢM	TĂNG		17.14			15.50	14.48	4.84%	
E1VFN30	15.23	TĂNG	TĂNG	14.62	15.12	4.17%		15.26	14.43	-0.20%	
FCN	12.60	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	-0.40%			13.36		
FLC	3.32	GIẢM	GIẢM		3.46				4.02		
FTM	4.12	TĂNG	GIẢM	3.88	4.07	6.19%			6.96		
GEG	27.00	GIẢM	TĂNG		28.01			12.90	24.99	109.30%	
GEX	22.00	GIẢM	TĂNG		22.58			20.20	20.77	8.91%	
GMD	26.50	GIẢM	TĂNG		27.53			28.50	26.02	-7.02%	
GTN	19.05	GIẢM	TĂNG		19.71			15.00	17.31	27.00%	
GVR	14.00	GIẢM	#N/A		14.42			-	#N/A		
HAG	4.46	GIẢM	GIẢM		4.65				5.11		
HBC	13.65	GIẢM	GIẢM		14.60				15.19		
HCM	22.65	GIẢM	TĂNG		24.27			23.40	21.08	-3.21%	
HDG	36.35	TĂNG	TĂNG	35.50	35.03	2.39%		35.30	32.61	2.97%	
HPX	26.30	GIẢM	#N/A		26.96			-	#N/A		
HSG	7.38	TĂNG	GIẢM	6.86	6.95	7.58%			7.42		
HT1	15.60	GIẢM	GIẢM		16.06				16.70		
IBC	20.60	TĂNG	GIẢM	20.60	20.13	0.00%			21.22		
IDI	7.17	GIẢM	TĂNG		7.44			7.53	6.22	-4.78%	
IJC	15.80	TĂNG	TĂNG	15.70	15.55	0.64%		13.10	13.12	20.61%	
ITA	3.19	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-3.04%		3.20	2.96	-0.31%	
KBC	15.25	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-0.65%	
KSB	21.60	GIẢM	TĂNG		22.46			23.90	21.11	-9.62%	
LDG	11.45	TĂNG	TĂNG	8.18	10.77	39.98%		9.89	8.90	15.77%	
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.65				8.25		
MBS	14.50	GIẢM	TĂNG		15.39			16.00	14.25	-9.38%	
MPC	24.30	GIẢM	GIẢM		26.55				31.17		
NBB	21.40	TĂNG	GIẢM	20.85	20.08	2.64%			22.02		
NKG	5.82	GIẢM	GIẢM		5.83				6.48		
NLG	28.70	TĂNG	TĂNG	28.60	27.92	0.35%		28.70	26.73	0.00%	
NT2	23.65	GIẢM	GIẢM		24.34				25.92		
NTC	164.90	TĂNG	GIẢM	168.90	157.51	-2.37%			189.63		
NTL	22.35	GIẢM	GIẢM		23.04				26.18		
NVB	8.40	TĂNG	TĂNG	7.60	7.99	10.53%		8.50	6.97	-1.18%	
OGC	3.88	GIẢM	GIẢM		3.93				4.31		

We Create Fortune

PC1	19.50	GIẢM	TĂNG		20.97			19.30	18.48	1.04%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.55			23.60	25.01	11.04%	
PHR	62.60	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	3.64%			65.37		
PPC	25.00	GIẢM	GIẢM	26.50	25.18	-4.98%	BÁN		28.66		
PTB	72.70	TĂNG	TĂNG	69.70	68.05	4.30%		60.78	64.57	19.61%	
PVD	16.90	GIẢM	TĂNG		17.60			18.10	15.96	-6.63%	
PVI	32.00	GIẢM	GIẢM		33.18				37.43		
PVT	17.10	GIẢM	TĂNG		17.65			18.30	16.28	-6.56%	
QCG	4.65	TĂNG	GIẢM	4.76	4.35	-2.31%			5.28		
SAM	7.85	TĂNG	TĂNG	7.99	7.58	-1.75%		7.40	7.47	6.08%	
SBT	17.95	TĂNG	TĂNG	16.50	17.45	8.79%		17.50	16.44	2.57%	
SCR	6.30	GIẢM	GIẢM		6.53				7.01		
SHB	6.50	TĂNG	GIẢM	6.60	6.36	-1.52%			6.86		
SHS	8.30	TĂNG	TĂNG	7.40	7.99	12.16%		8.40	6.61	-1.19%	
SJS	15.20	GIẢM	GIẢM		16.31				18.93		
STK	18.40	GIẢM	GIẢM		19.64				23.26		
SZC	18.00	GIẢM	#N/A		19.26			-	#N/A		
TCH	24.15	TĂNG	TĂNG	22.05	22.96	9.52%		22.50	21.53	7.33%	
TCM	22.50	TĂNG	GIẢM	23.00	22.48	-2.17%			25.52		
TNG	17.90	GIẢM	GIẢM		18.80				20.81		
TTB	23.40	TĂNG	TĂNG	23.40	23.32	0.00%	MUA	24.50	22.71	-4.49%	
VCI	34.30	GIẢM	TĂNG		36.16			36.00	30.89	-4.72%	
VGT	9.10	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	2.25%			9.82		
VHC	78.10	GIẢM	GIẢM		81.32				87.51		
VND	13.95	GIẢM	GIẢM		14.44				15.06		
VNG	22.15	TĂNG	TĂNG	19.10	21.44	15.97%		20.20	19.69	9.65%	
VPI	41.05	GIẢM	TĂNG		42.16			41.30	39.68	-0.61%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.00	GIẢM	#N/A		9.58			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.33	TĂNG	GIẢM	4.55	4.21	-4.84%		3.99	4.34	8.84%	
AMD	1.40	GIẢM	GIẢM		1.50				1.75		
APG	8.69	GIẢM	TĂNG		9.29			9.90	7.90	-12.22%	
ART	2.00	TĂNG	GIẢM	2.00	1.76	0.00%			2.25		
BCC	7.30	GIẢM	GIẢM		7.56				8.55		

We Create Fortune

BCG	8.10	GIẢM	TĂNG		8.56			6.39	7.30	26.76%	
C69	23.20	GIẢM	TĂNG	18.30	25.54	39.54%	BÁN	5.30	22.95	337.74%	
CCL	8.10	GIẢM	GIẢM		8.94			3.46	8.93	158.03%	BÁN
CRC	14.60	GIẢM	GIẢM		15.47			18.90	15.04	-20.40%	BÁN
CVT	22.85	TĂNG	TĂNG	21.25	22.29	7.53%		20.35	19.04	12.29%	
DAG	6.40	GIẢM	TĂNG		6.70			7.09	6.22	-9.73%	
DAH	9.75	GIẢM	GIẢM		10.21				12.06		
DGW	24.55	TĂNG	TĂNG	24.60	24.10	-0.20%		23.50	22.12	4.47%	
DLG	1.47	GIẢM	GIẢM		1.55				1.65		
DRH	6.70	GIẢM	GIẢM		7.37				7.76		
DTD	15.20	GIẢM	TĂNG		16.10			12.90	14.20	17.83%	
EVG	2.55	GIẢM	GIẢM		2.68				2.99		
FIT	3.75	TĂNG	TĂNG	3.59	3.40	4.46%		3.64	3.03	3.02%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.76	0.67%			15.54		
HAH	14.10	GIẢM	TĂNG		14.87			13.00	13.89	8.46%	
HAI	1.57	GIẢM	GIẢM		1.64				1.85		
HAP	3.38	GIẢM	TĂNG		3.42			3.67	3.25	-7.90%	
HAR	3.65	GIẢM	GIẢM		3.85				3.88		
HCD	3.40	TĂNG	GIẢM	3.56	3.33	-4.49%			3.95		
HDA	11.00	TĂNG	GIẢM	11.20	10.66	-1.79%			12.07		
HDC	23.45	TĂNG	TĂNG	22.15	22.23	5.87%		15.25	18.89	53.77%	
HHP	11.50	GIẢM	GIẢM		12.11				13.53		
HHS	3.24	TĂNG	TĂNG	3.04	3.03	6.58%			3.20		
HII	11.50	GIẢM	GIẢM		12.14				12.29		
HQC	1.09	GIẢM	GIẢM	1.16	1.10	-5.24%	BÁN		1.32		
HSL	7.65	GIẢM	GIẢM		8.24			9.84	7.71	-21.62%	
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%			2.71		
HVG	2.90	GIẢM	GIẢM		3.04				3.75		
HVH	18.10	GIẢM	#N/A		18.65				#N/A		
JVC	4.35	TĂNG	TĂNG	3.86	3.92	12.69%		3.10	2.75	40.32%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.51	GIẢM	GIẢM		2.61				2.87		
LCG	9.11	TĂNG	GIẢM	9.60	8.92	-5.10%			10.47		
LGL	10.55	GIẢM	TĂNG		10.96			7.11	9.49	48.32%	
LHG	16.00	GIẢM	GIẢM		16.81				18.44		
LMH	13.65	GIẢM	#N/A		14.06			-	#N/A		
MST	3.50	TĂNG	TĂNG	2.80	3.21	25.00%		3.40	2.58	2.94%	
NDN	16.70	GIẢM	TĂNG		17.40			13.10	16.27	27.44%	
PHC	14.40	TĂNG	TĂNG	13.30	13.49	8.27%		14.20	13.46	1.41%	MUA

We Create Fortune

PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		20.09			20.10	18.62	-4.48%	
PVC	6.90	TĂNG	TĂNG	7.30	6.54	-5.48%		7.10	6.30	-2.82%	
PXL	5.00	GIẢM	GIẢM		5.26				6.42		
PXS	4.21	GIẢM	GIẢM		4.65				5.90		
QBS	3.14	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	6.94	GIẢM	GIẢM		7.37				8.96		
SHI	8.70	GIẢM	TĂNG		9.46			6.23	8.30	39.59%	
SJF	2.41	GIẢM	GIẢM		2.60				3.30		
SKG	10.70	GIẢM	GIẢM		11.11				12.13		
TDH	11.40	TĂNG	TĂNG	9.40	11.06	21.28%		10.15	9.80	12.32%	
TIG	4.50	TĂNG	TĂNG	3.40	3.97	32.35%		3.20	3.12	40.63%	
TLD	4.50	GIẢM	GIẢM		4.82				5.81		
TLH	4.41	GIẢM	GIẢM		4.60				4.99		
TNI	10.25	GIẢM	GIẢM		10.43				11.25		
TTF	2.74	GIẢM	GIẢM		2.89				3.34		
TTH	3.00	TĂNG	GIẢM	3.10	2.82	-3.23%			3.34		
TVB	16.40	GIẢM	GIẢM		16.87				18.55		
TVC	15.80	GIẢM	TĂNG		16.71			14.30	14.38	10.49%	
VC3	23.80	TĂNG	TĂNG	23.20	23.00	2.59%		22.00	21.94	8.18%	
VCR	16.60	GIẢM	GIẢM		19.98				25.98		
VNE	3.41	TĂNG	GIẢM	3.35	3.25	1.79%			3.70		
VPG	22.70	TĂNG	TĂNG	21.40	22.27	6.07%		20.46	20.11	10.97%	
VRC	15.20	GIẢM	GIẢM		15.94				16.26		
YBM	6.18	GIẢM	GIẢM		7.13				11.71		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	987.38	-0.05%
VN30	913.05	-0.16%
VN Mid	977.96	0.02%
VN Small	799.65	-0.48%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	105.16	0.52%
HN30	188.08	0.25%
VNX AllSh	878.46	-0.10%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.6	-0.04%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	360.47	
Bán	441.4	
GT rỗng	-80.93	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1.97	
Bán	25.04	
GT rỗng	-23.07	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	44.31	
Bán	38.86	
GT rỗng	5.44	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FIT	190	5.34%
DBC	1000	4.18%
PTB	2600	3.71%
PHR	1800	2.96%
KDC	550	2.68%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTP	900	2.28%
TAR	600	1.95%
PVS	300	1.63%
DHT	600	1.30%
ACB	300	1.27%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
C4G	800	14.55%
SGP	500	5.38%
SIP	3700	3.82%
CTR	1100	2.20%
GVR	300	2.19%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TCM	-1300	-5.46%
IJC	-850	-5.11%
VGC	-900	-4.50%
PPC	-1000	-3.85%
SHI	-300	-3.33%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	-1100	-6.21%
MBG	-1300	-3.90%
VCG	-600	-2.21%
TNG	-300	-1.65%
NDN	-200	-1.18%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	-600	-3.47%
MPC	-500	-2.02%
EVF	-100	-1.59%
VIB	-100	-0.55%
QNS	-100	-0.34%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	391,474	
VCB	313,400	
VHM	296,432	
VNM	221,155	
GAS	191,969	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,425	
VCS	15,072	
VCG	12,015	
PVS	8,795	
SHB	7,820	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	163,214	
VGI	101,700	
VEA	73,060	
GVR	54,636	
MCH	52,148	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	24,137,190	20,587,248
VGC	18,449,690	1,810,883
VPB	10,621,640	5,486,200
ASM	6,335,620	3,387,887
FLC	5,209,320	3,347,760

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ACB	4,857,414	2,599,904
SHB	4,746,188	4,171,665
PVS	2,480,588	2,155,701
TNG	1,394,046	890,136
CEO	1,321,737	1,337,036

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	1,508,263	1,959,116
VIB	1,500,369	1,048,883
GVR	1,021,630	523,738
EVF	831,499	1,046,463
C4G	557,757	253,905

Nguồn: Bloomberg & YSVN

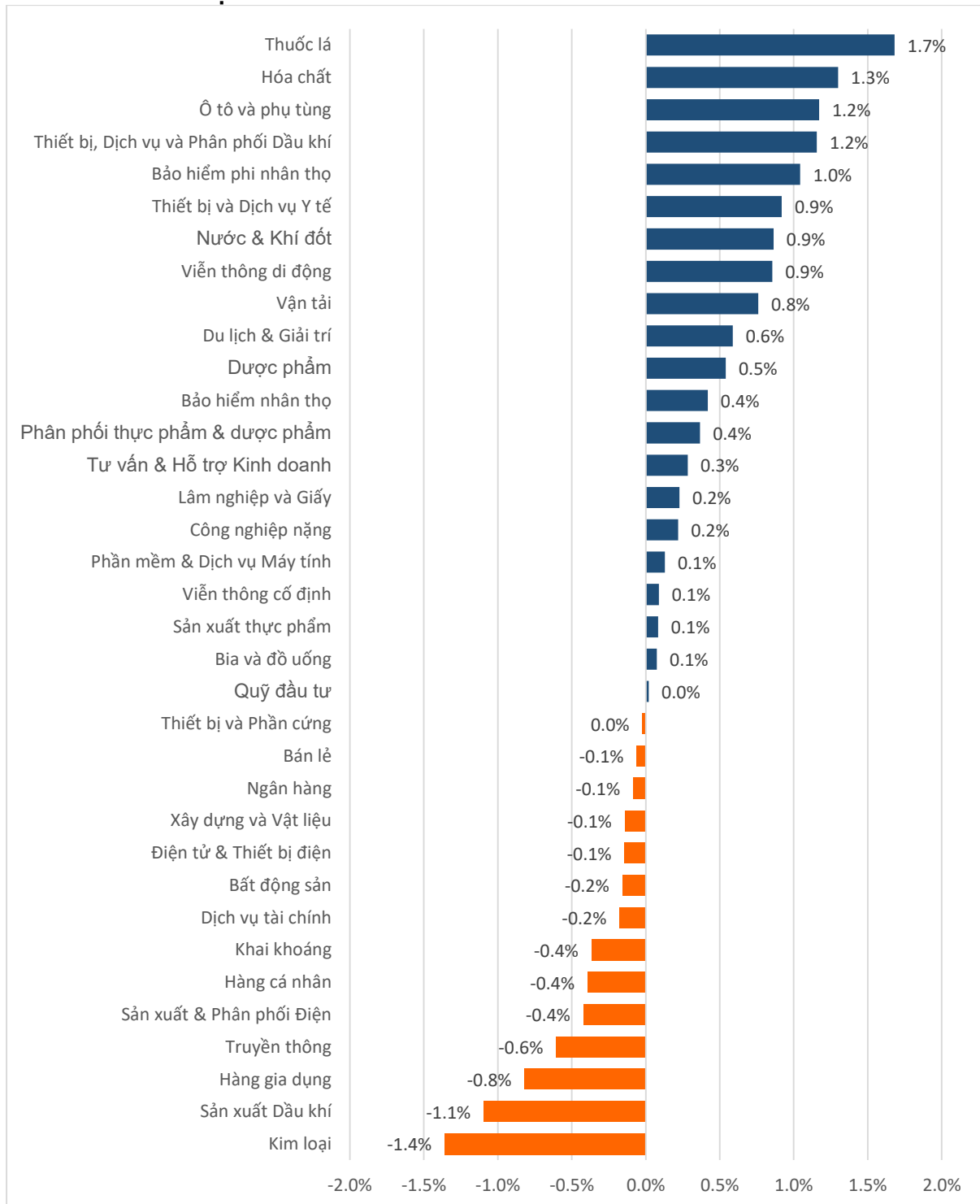
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



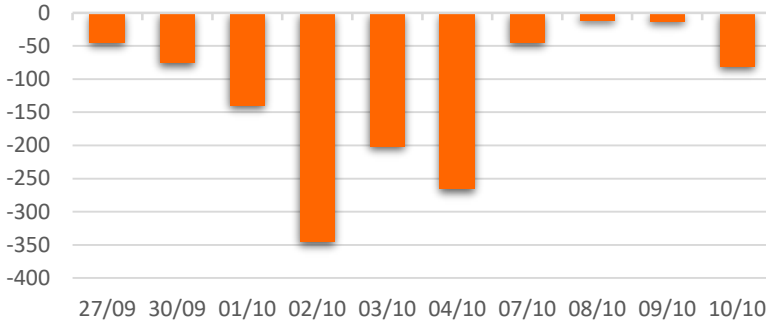
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

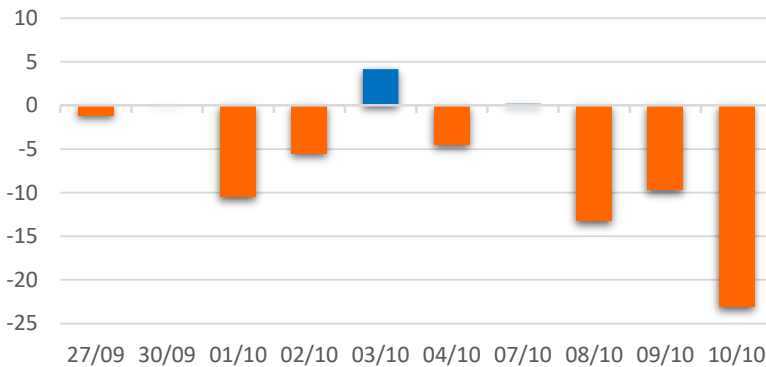
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCB	24,838	VIC	78,236
VRE	21,296	VHC	19,079
BID	12,677	HPG	14,648
ROS	11,510	POW	10,280
KBC	7,657	VNM	8,878

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

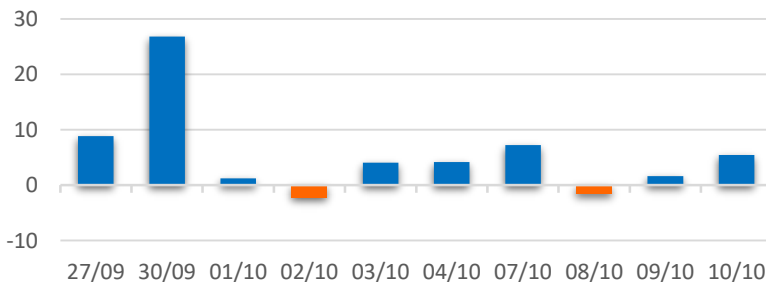
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	611	PVS	18,901
TIG	580	NTP	2,878
NBC	79	CEO	970
VMC	69	PVI	548
DGC	50	SGD	327

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ACV	8,000	BSR	3,963
QNS	2,346	VEA	2,831
BCM	909	IDC	351
MPC	736	WSB	95
CTR	608	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



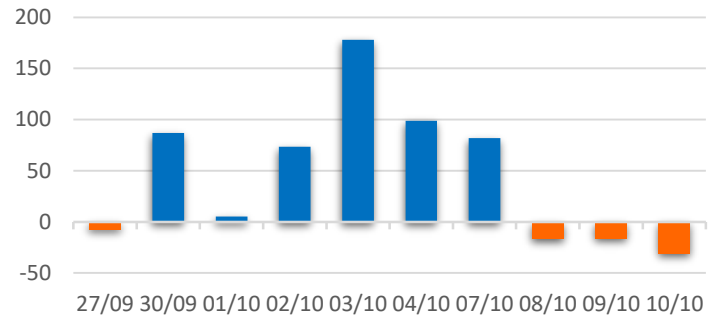
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

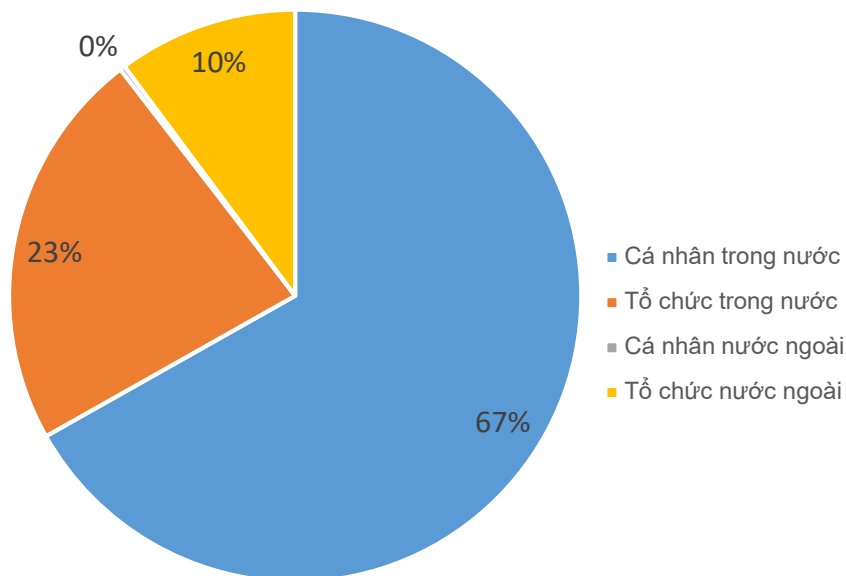
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	30,375	VJC	22,165
REE	14,540	HDG	9,389
FPT	8,317	E1VFN30	6,106
PLX	6,013	HPG	5,159
HPG	5,192	MBB	4,663

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

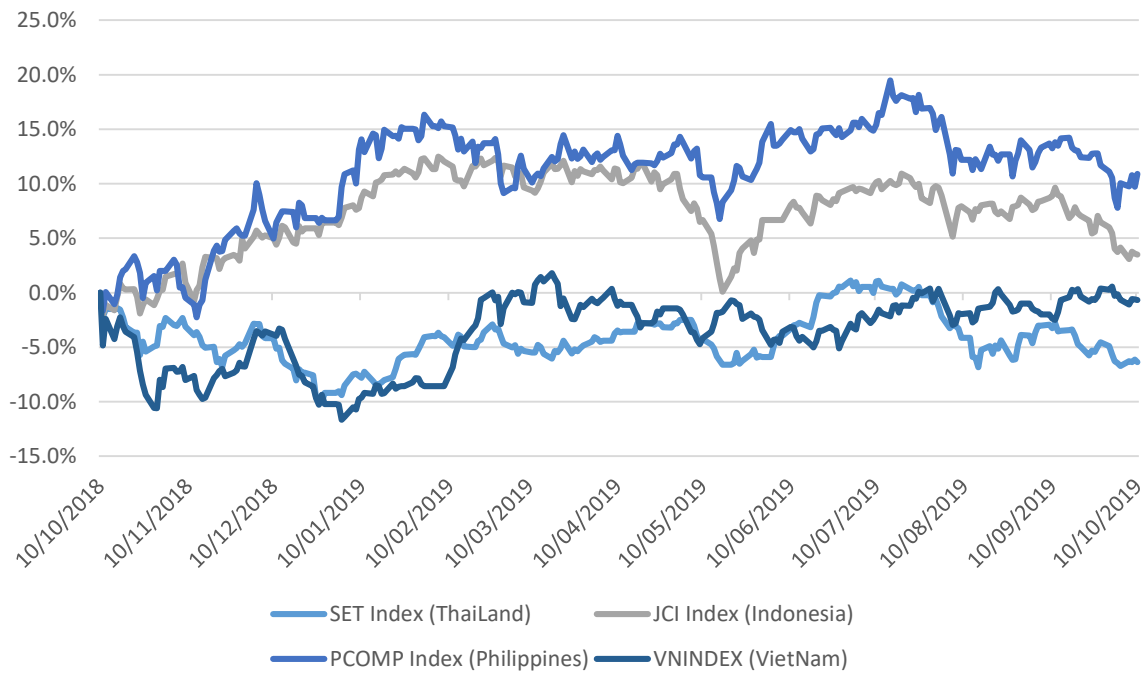


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

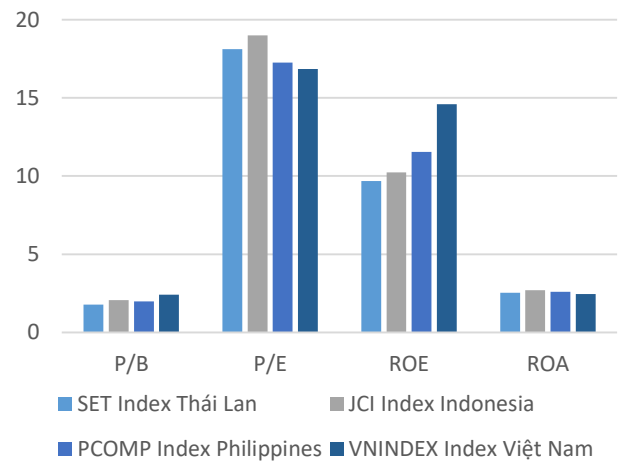
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.1x	19.0x	17.3x	16.8x
ROE	%	9.68	10.23	11.54	14.60
ROA	%	2.54	2.70	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	547.79	491.40	187.76	144.10
GTGD	Triệu USD	0.93	0.44	0.10	0.12
LS cổ tức	%	3.15	2.55	1.70	1.90

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written